

Số: /TTr-BGDDT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO
(Đăng tải lấy ý kiến)**TỜ TRÌNH**
Dự án Luật Giáo dục đại học (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị quyết số 77/2025/UBTVQH15 ngày 21/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh chương trình lập pháp năm 2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo trình Chính phủ dự án Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG LUẬT**1. Cơ sở chính trị, pháp lý****a) Cơ sở chính trị**

(1) Giáo dục và đào tạo luôn được Đảng, Nhà nước coi là quốc sách hàng đầu và đã có nhiều chủ trương, chính sách đổi mới được đưa ra để hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển toàn diện người học; trong đó, giáo dục đại học đóng vai trò then chốt đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước bứt phá trong giai đoạn mới. Nghị quyết Đại hội lần thứ XII và XIII của Đảng đã xác định phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong ba đột phá chiến lược để phát triển đất nước. Đại hội XIII của Đảng, nội dung về phát triển giáo dục và đào tạo đã được lồng ghép trong nhiều Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận về các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của các vùng; về xây dựng và phát triển một số tỉnh, thành phố để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai. Tựu chung, các quan điểm, chủ trương của Đảng thời gian qua về đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo gồm các nội dung chính như sau:

(i) Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo (từ chương trình, nội dung, tài liệu, phương pháp dạy - học đến đánh giá kết quả học tập ở tất cả các cấp học, trình độ đào tạo), chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học.

(ii) Đổi mới, hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức đào tạo; thúc đẩy có trọng tâm phân luồng sau trung học cơ sở, định hướng nghề nghiệp ở

trung học phổ thông. Quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực.

(iii) Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là đột phá chiến lược để phát triển đất nước nhanh và bền vững. Phát triển, hiện đại hóa giáo dục đại học; đẩy mạnh tự chủ đại học, tăng cường kiểm định theo chuẩn quốc tế.

(iv) Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bảo đảm đủ về số lượng và nâng cao về chất lượng. Ưu tiên đầu tư xây dựng một số trường sư phạm, trường sư phạm kỹ thuật trọng điểm; khắc phục tình trạng phân tán trong hệ thống các cơ sở đào tạo nhà giáo. Có cơ chế tuyển sinh và cử tuyển riêng để tuyển chọn được những người có phẩm chất, năng lực phù hợp vào ngành sư phạm. Lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng.

(v) Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo; ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo tối thiểu ở mức 20% tổng chi ngân sách. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục; phát triển hài hòa, hỗ trợ giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng, miền, tiến tới bình đẳng về quyền được nhận hỗ trợ của nhà nước đối với người học ở trường công lập và trường ngoài công lập.

(vi) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý; đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ và trang bị kiến thức, kỹ năng về khoa học - công nghệ; phát triển các phương thức đào tạo mở, nền tảng dạy và học trực tuyến mở, học liệu mở trực tuyến, khuyến khích phát triển các mô hình giáo dục số.

(vii) Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo. Tăng quy mô đào tạo ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước đối với giảng viên các ngành khoa học cơ bản và khoa học mũi nhọn, đặc thù; mở rộng liên kết đào tạo với những cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín; khuyến khích các tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ ở Việt Nam.

(viii) Bảo đảm cơ hội tiếp cận công bằng trong giáo dục, giáo dục có chất lượng, thu hẹp dần khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, các trường, các nhóm dân cư trong tiếp cận giáo dục. Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách.

(2) Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 đã đề ra: *“Nghiên cứu định hướng tiếp tục sắp xếp bổ cấp hành chính trung gian (cấp huyện); xây dựng phương án tiếp tục sắp xếp cấp xã phù hợp với mô hình tổ chức mới, đề xuất tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cấp xã; định hướng sáp nhập một số đơn*

vị hành chính cấp tỉnh; đề xuất chủ trương sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật, quy định của Đảng có liên quan”.

(3) Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đặt ra mục tiêu, yêu cầu: *“Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị cấp xã, thực hiện mô hình địa phương 02 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể) bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả”.*

(4) Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

(5) Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đặc biệt trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

(6) Báo cáo Chính trị của Đại hội XIII của Đảng cũng khẳng định: *“Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người”.* Đây là cơ sở để hệ thống GDĐH Việt Nam đặt mục tiêu đạt trình độ tiên tiến trong khu vực vào năm 2030.

(7) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã chỉ rõ: (i) Tăng cường đầu tư, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao; (ii) Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nhân tài trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ trọng yếu; (iii) Phát triển các chương trình đào tạo tài năng, đặc biệt trong lĩnh vực toán học, vật lý, hóa học, sinh học, kỹ thuật và công nghệ then chốt. Nghị quyết cũng yêu cầu: *“Tiếp tục thể chế hoá đầy đủ và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về phát triển giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia”.*

(8) Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, đã yêu cầu đẩy mạnh hội nhập toàn diện về văn hoá, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác; đẩy mạnh chuẩn hoá, đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục của các cơ sở đào tạo trong nước ngang tầm khu vực và quốc tế; triển khai các cơ chế phát triển nhân lực chất lượng cao, nâng cao kỹ năng học tập suốt đời, năng lực và năng suất của lực lượng lao động Việt Nam.

(9) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Mục đích nhằm hiện thực hóa mục tiêu xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, khả thi với cơ chế tổ chức thực hiện nghiêm minh, nhất quán, bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan sau sắp xếp tổ chức bộ máy, tháo gỡ vướng mắc phát sinh từ thực tiễn, mở đường cho kiến tạo phát triển, huy động mọi người dân và doanh nghiệp tham gia vào phát

triển kinh tế - xã hội để đến năm 2030, Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

(10) Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân xác định “*Kinh tế tư nhân còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại trong tiếp cận nguồn lực, đặc biệt là vốn, công nghệ, đất đai, tài nguyên và nhân lực chất lượng cao*”. Nghị quyết đã đề ra nhiệm vụ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho kinh tế tư nhân, bao gồm các chủ trương chính: (i) Tập trung phát triển mạng lưới giáo dục đại học và nghề nghiệp chất lượng cao, khuyến khích liên kết quốc tế; (ii) Thúc đẩy doanh nghiệp tham gia sâu vào quá trình đào tạo; (iii) Khuyến khích địa phương sử dụng nguồn lực để phát triển nhân lực; (iv) Đẩy mạnh giáo dục STEM, ngoại ngữ, kỹ năng số ở tất cả bậc học.

(11) Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

(12) Kết luận số 72-KL/TW ngày 23/02/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

(13) Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; trong đó, có nội dung sắp xếp sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập đối với giáo dục đại học.

(14) Kết luận số 49-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

(15) Ngoài ra, còn một số Nghị quyết phát triển vùng kinh tế - xã hội và một số tỉnh, thành phố lớn.

(16) Thông báo 177-TB/VPTW ngày 25/4/2025 kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với đại diện Đảng ủy Chính phủ và các ban, bộ, ngành Trung ương về tình hình thực hiện các nghị quyết của Trung ương về giáo dục và đào tạo; chuẩn bị Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá giáo dục, đào tạo và một số chủ trương hỗ trợ dạy và học.

b) Cơ sở pháp lý

Điều 61 Hiến pháp năm 2013 là cơ sở pháp lý trực tiếp và quan trọng nhất đối với giáo dục đại học nêu rõ: (i) Vai trò ưu tiên của giáo dục trong chính sách quốc gia; (ii) Nhà nước có trách nhiệm phát triển giáo dục đại học như một phần cấu thành của hệ thống giáo dục quốc dân; (iii) Nhấn mạnh đến chuẩn hóa, hiện đại hóa và chính sách phát triển tài năng liên quan mật thiết đến mục tiêu và chức năng của giáo dục đại học.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định xây dựng,

thẩm định và thông qua chính sách trước khi soạn thảo Luật mới, trong đó yêu cầu việc đề xuất chính sách phải xác định cơ sở pháp lý, thực tiễn và chính trị, cụ thể: (i) Cơ quan trình có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy trình xây dựng chính sách trước khi soạn thảo Luật Giáo dục đại học (sửa đổi); (ii) Cơ quan lập đề xuất chính sách có trách nhiệm xác định chính sách trên cơ sở chủ trương, đường lối của Đảng; kết quả tổng kết thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội; bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; chủ trương phân quyền, phân cấp; vấn đề mới, xu hướng mới; yêu cầu quản lý nhà nước và khuyến khích sáng tạo, khơi thông mọi nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; cam kết trong điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Đây là cơ sở pháp lý bắt buộc khi đề xuất xây dựng dự án Luật Giáo dục đại học (sửa đổi).

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Giáo dục đại học 2012 (Luật số 08/2012/QH13) ban hành năm 2012 và được sửa đổi, bổ sung năm 2018 (Luật số 34/2018/QH14) đã tạo hành lang pháp lý mở rộng quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) từng bước nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu nhân lực của nền kinh tế, thúc đẩy cạnh tranh phát huy nguồn lực xã hội hóa giáo dục.

Tuy nhiên, sau hơn 13 năm thực hiện Luật số 08/2012/QH13 và 6 năm áp dụng Luật số 34/2018/QH14 bên cạnh những kết quả đạt được, thực tế triển khai thi hành Luật GDĐH cũng gặp một số khó khăn, vướng mắc trong đó có nguyên nhân từ nhận thức, năng lực tổ chức thực hiện và hạn chế trong khi Luật GDĐH có nhiều chính sách, quy định mới; hệ thống văn bản pháp luật liên quan tới hoạt động của các cơ sở GDĐH chưa được hoàn thiện đồng bộ, một số nội dung quy định tại Luật GDĐH còn bất cập, chưa phát huy hết vai trò thực hiện dân chủ của các tổ chức chính trị xã hội, chưa phù hợp với thực tiễn và không theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội trong bối cảnh mới của đất nước. Cụ thể:

a) Về đối tượng áp dụng: Luật GDĐH hiện hành không quy định đối tượng áp dụng đối với các trường đào tạo, bồi dưỡng thuộc các cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, xã hội; không quy định những nội dung đặc thù cho một số cơ sở giáo dục chỉ đào tạo các trình độ sau đại học. Điều này gây khó khăn cho cả cơ quan quản lý nhà nước và hoạt động của các cơ sở giáo dục.

b) Về tổ chức và quản trị cơ sở GDĐH: Quy định về các đơn vị trực thuộc cơ sở GDĐH có tư cách pháp nhân gây khó khăn, phức tạp và rủi ro trong tổ chức và quản lý cơ sở GDĐH. Quy định về tổ chức đại học có trường đại học thành viên (mô hình 2 cấp) có nhiều bất cập, đặc biệt khi thực hiện cơ chế tự chủ. Hội đồng trường của một số cơ sở GDĐH hoạt động chưa hiệu quả, chưa thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, hình thức. Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng trường trong Luật chưa được rõ nhưng không giao xây dựng văn bản hướng dẫn dưới Luật, gây ra cách hiểu và thực hiện khác nhau trong thực tế; sự chồng chéo giữa triển khai phương thức lãnh

đạo, tổ chức quản trị, hoạt động điều hành trong cơ sở GDĐH. Quy định về tổ chức hội đồng trường tại các cơ sở GDĐH thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng là không phù hợp và không khả thi.

c) Về thực hiện tự chủ đại học: Các cơ sở GDĐH công lập thực tế gặp nhiều vướng mắc bởi các quy định của pháp luật về tổ chức, nhân sự, tài chính và tài sản đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Quy định về điều kiện tự chủ và các mức tự chủ theo khả năng bảo đảm tài chính đã dẫn đến nhiều hạn chế trong thực tiễn. Cách tiếp cận này gây bất bình đẳng giữa các cơ sở GDĐH, đồng thời, tạo áp lực tăng học phí, ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận của người học và làm giảm động lực cải tiến ở các cơ sở GDĐH chưa đủ tiềm lực tài chính, khiến tự chủ bị hạn chế về phạm vi và thiếu bền vững.

d) Về chính sách với đội ngũ giảng viên: Luật Nhà giáo vừa được Quốc hội thông qua tháng 6/2025 đã quy định chức danh nhà giáo được xác định theo yêu cầu hoạt động nghề nghiệp trong từng cấp học, trình độ đào tạo và chưa cụ thể hóa giảng viên rõ ràng theo chức danh như giảng viên, giảng viên chính, phó giáo sư, giáo sư trong hoạt động chuyên môn, quản trị và phát triển đội ngũ. Việc bổ nhiệm, công nhận chức danh giáo sư, phó giáo sư, đặc biệt đối với giảng viên nước ngoài, còn vướng mắc do thiếu quy định thống nhất giữa các văn bản pháp luật về tiêu chuẩn, thẩm quyền, và chính sách thu hút chuyên gia. Đồng thời, cơ chế đánh giá, sử dụng, phát triển giảng viên tại nhiều cơ sở GDĐH còn nặng hình thức, chưa gắn với hiệu quả giảng dạy và nghiên cứu.

đ) Về chính sách tài chính đại học: Chính sách phân bổ ngân sách đối với các cơ sở GDĐH chưa bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh, bình đẳng và minh bạch dựa trên chất lượng và hiệu quả hoạt động. Cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo gặp nhiều vướng mắc, mới được triển khai ở phạm vi hẹp. Ngân sách nhà nước chỉ cho GDĐH tính trên tỉ trọng GDP và ngân sách nhà nước chỉ cho giáo dục và đào tạo thấp nhiều lần so với các nước trong khu vực và thế giới, không đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, nhất là trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ trọng điểm, then chốt.

e) Về hoạt động đào tạo và nghiên cứu: Luật giao Bộ GDĐT ban hành nhiều văn bản quy định, hướng dẫn, có nội dung trùng lặp liên quan tới cấp phép hoạt động đào tạo, mở ngành, chuẩn cơ sở GDĐH, chuẩn chương trình đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh, quy chế đào tạo. Luật chưa quy định chính sách về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chưa quy định hay giao Chính phủ quy định về các lĩnh vực cần ưu tiên đầu tư và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Triển khai các hoạt động khoa học, công nghệ trong các nhà trường còn chậm và vướng mắc những thủ tục hành chính. Các hoạt động liên kết đào tạo quốc tế có nhiều khoảng hở về quy định, dẫn đến rủi ro về uy tín và giá trị bằng cấp. Thiếu chính sách gắn kết nghiên cứu với đào tạo; quy mô đào tạo sau đại học, đặc biệt ở trình độ tiến sĩ, thấp rất nhiều so với các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, dẫn tới hạn chế năng lực nghiên cứu và phát triển của các cơ sở GDĐH. Ngoài ra, Luật GDĐH hiện hành cũng chưa quy định về hoạt động GDĐH trên không gian mạng trong khi dự thảo Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã xác định rõ yêu cầu thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, liên kết chặt

chẽ giữa nhà trường - doanh nghiệp - viện nghiên cứu, và phát triển giáo dục trên nền tảng số.

g) Về chính sách bảo đảm chất lượng: Quy định về cơ chế kiểm định chất lượng GDDH không có sự thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước hoặc tổ chức độc lập làm giảm vai trò, hiệu lực quản lý nước; việc lựa chọn tổ chức kiểm định phải thực hiện theo cơ chế đấu thầu gây ra việc cạnh tranh kém lành mạnh, không phù hợp với đặc thù của công tác kiểm định. Quy định về bắt buộc kiểm định và đánh giá ngoài tất cả chương trình đào tạo gây quá tải và tốn kém cho các cơ sở GDDH. Năng lực của mạng lưới tổ chức kiểm định và đội ngũ kiểm định viên còn hạn chế. Yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo của đa số cơ sở GDDH gặp nhiều khó khăn do thiếu nguồn lực cho đầu tư, hỗ trợ phát triển đội ngũ giảng viên, hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu.

Trước những thách thức và yêu cầu mới, việc sửa đổi Luật GDDH là yêu cầu tất yếu nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho sự phát triển hệ thống GDDH. Việc sửa đổi hướng đến các mục tiêu: (i) Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội; (ii) Phát triển đại học thành trung tâm nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy kinh tế tri thức; (iii) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy và quản lý; (iv) Tăng cường tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình; (v) Tháo gỡ vướng mắc trong thi hành luật hiện hành; (vi) Bảo đảm tính thống nhất với hệ thống pháp luật và phù hợp với bối cảnh hội nhập, chuyển đổi số sâu rộng.

Trên cơ sở các căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn, cùng với kết quả tổng kết thi hành Luật GDDH số 08/2012/QH13 và Luật số 34/2018/QH14, việc sửa đổi Luật GDDH là cần thiết nhằm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương lớn của Đảng và Chính phủ trong những năm gần đây. Đồng thời, Luật GDDH (sửa đổi) sẽ tạo cơ sở pháp lý để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi Luật GDDH hiện hành; khắc phục các hạn chế về chất lượng đào tạo, quản trị đại học, tự chủ, tài chính, chuyển đổi số và hợp tác quốc tế. Qua đó, góp phần hiện đại hóa GDDH, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển bền vững và đưa giáo dục Việt Nam trở thành trung tâm tri thức và khoa học công nghệ trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích

a) Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện, hiện đại hóa và đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, hội nhập quốc tế; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật và những nội dung liên quan khác về giáo dục và đào tạo.

b) Tháo gỡ các điểm nghẽn, bất cập trong quá trình thi hành Luật hiện hành; bổ sung hoàn thiện đầy đủ, đồng bộ và thống nhất hệ thống pháp luật về GDDH nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, hoàn thiện mô hình quản trị đại học tiên tiến phù hợp với hệ thống chính trị, xã hội, văn hóa và con người Việt Nam.

c) Định vị các cơ sở GDĐH trong hệ thống tổ chức về khoa học và công nghệ, xác lập sứ mệnh và vai trò nòng cốt của hệ thống GDĐH trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực và năng suất của lực lượng lao động; định vị GDĐH Việt Nam trong hệ sinh thái tri thức toàn cầu.

d) Hoàn thiện, khơi thông chính sách nhằm giải phóng tiềm lực và sức mạnh sáng tạo của các cơ sở GDĐH, huy động hiệu quả mọi nguồn lực để hiện đại hóa, tạo bước phát triển bứt phá về quy mô, chất lượng và hiệu quả của hệ thống GDĐH, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong bối cảnh mới.

2. Quan điểm

a) Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng, thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn và kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và các chủ trương, chính sách có liên quan tới tổ chức và hoạt động của các cơ sở GDĐH, phát triển GDĐH, nguồn nhân lực chất lượng cao, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; bảo đảm sự phù hợp với Hiến pháp, đồng bộ trong hệ thống pháp luật và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Đổi mới tư duy về quản lý nhà nước và đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo theo hướng chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại theo mục tiêu, chất lượng và hiệu quả; tăng cường phân cấp, phân quyền, tự chủ đại học, cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính, kiến tạo môi trường minh bạch, thuận lợi, bình đẳng cho cả hệ thống GDĐH công lập và tư thục cùng cạnh tranh phát triển, hội nhập sâu rộng với hệ thống GDĐH trên thế giới.

c) Tuân thủ đầy đủ và chặt chẽ quy trình xây dựng chính sách theo quy định, nhất là trong tham vấn và đánh giá tác động chính sách. Bảo đảm tiếp cận toàn diện đồng thời có trọng tâm, trọng điểm; kế thừa và phát triển các chính sách, quy định đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn; tập trung tháo gỡ các “điểm nghẽn”, loại bỏ quy định không còn phù hợp với thực tiễn; đưa vào các nội dung qua kiểm nghiệm thực tế đã cho thấy hiệu quả rõ, được đồng thuận cao, các giải pháp kỳ vọng tạo đột phá trên cơ sở tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) năm 2025 (Luật số 64/2025/QH15), Bộ GDĐT đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện quy trình xây dựng dự án Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) theo hai bước:

1. Bước 1. Xây dựng Chính sách

Quá trình xây dựng chính sách như sau:

1.1. Tổng kết đánh giá thi hành Luật GDĐH trên toàn quốc làm rõ những kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình thực thi. Kết quả tổng kết là cơ sở quan trọng để xác định yêu cầu, nội dung và phạm vi cần sửa đổi, bổ sung, bảo đảm tính phù hợp với thực tiễn, đồng bộ với hệ thống pháp luật và đáp ứng yêu cầu đổi mới GDĐH trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.

1.2. Tổ chức các tọa đàm tham vấn chính sách với sự tham gia của nhiều chuyên gia, nhà quản lý, cơ sở GDĐH và các bên liên quan. Qua đó, đã tiếp thu nhiều ý kiến xác đáng, làm rõ nhu cầu sửa đổi toàn diện Luật GDĐH nhằm thể chế hóa các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển GDĐH trong giai đoạn mới.

1.3. Nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế trong xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về GDĐH tại một số quốc gia trong khu vực và những quốc gia có hệ thống GDĐH phát triển như Anh, Đức, Pháp, Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore,... và các khuyến nghị của các tổ chức UNESCO, OECD, góp phần định hướng cho việc xây dựng Luật GDĐH (sửa đổi) bảo đảm tính khả thi, hiện đại và hội nhập.

1.4. Tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan trong hệ thống pháp luật Việt Nam để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa Luật GDĐH với các luật khác. Đồng thời, tiến hành đánh giá tác động đối với các nhóm chính sách dự kiến bảo đảm quy trình xây dựng Luật GDĐH sửa đổi đúng quy định, có cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc.

1.5. Nghiên cứu xây dựng báo cáo chính sách, trong đó làm rõ sự cần thiết sửa đổi Luật GDĐH, xác định nhóm các chính sách được đề xuất, phân tích tác động kinh tế, xã hội, tính hợp hiến, hợp pháp và khả năng thực thi của từng chính sách.

1.6. Thực hiện thẩm định chính sách trước khi trình Chính phủ. Bộ GDĐT đã tiếp thu, giải trình báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp và hoàn thiện hồ sơ theo quy định và trình Chính phủ. Ngày 21/6/2025, Chính phủ đã tổ chức phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật và đã thông qua các nhóm chính sách do Bộ GDĐT đề xuất để quy phạm hóa trong dự án Luật GDĐH (sửa đổi).

2. Bước 2: Xây dựng hồ sơ dự thảo Luật GDĐH (sửa đổi)

2.1. Tổ chức biên soạn dự thảo Luật GDĐH trên cơ sở cụ thể hóa những nhóm chính sách đề xuất được Chính phủ thông qua. Tổ chức các tọa đàm góp ý dự thảo Luật với sự tham gia của nhiều chuyên gia, nhà quản lý, cơ sở GDĐH và các bên liên quan. Qua đó, đã tiếp thu nhiều ý kiến xác đáng, làm rõ các nội dung chính của dự thảo Luật GDĐH (sửa đổi) nhằm cụ thể hóa các nhóm chính sách đã được Chính phủ thông qua để thể chế hóa các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển GDĐH trong giai đoạn mới.

2.2. Tổ chức lấy ý kiến các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và tổ chức tiếp thu, giải trình đầy đủ theo quy định.

2.3. Gửi Bộ Tư pháp thẩm định, Bộ GDĐT đã tiếp thu, giải trình báo cáo của Bộ Tư pháp và hoàn thiện hồ sơ theo quy định và trình Chính phủ thông qua hồ sơ dự án Luật GDDH (sửa đổi).

2.4. Phối hợp cùng Ủy ban Văn hóa - Xã hội của Quốc hội Khóa 15 trong quá trình thẩm tra hồ sơ dự án Luật GDDH (sửa đổi) trước khi trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến.

2.5. Tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hoàn thiện hồ sơ trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10 năm 2025.

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ BỐ CỤC DỰ ÁN LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động GDDH; tổ chức và hoạt động của cơ sở GDDH; quyền, nghĩa vụ của tổ chức và cá nhân tham gia GDDH; trách nhiệm của Nhà nước trong quản lý và phát triển GDDH.

2. Bố cục của dự thảo Luật

Với tinh thần của Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, việc xây dựng pháp luật, phân định rõ thẩm quyền lập pháp và lập quy, luật chỉ quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền Quốc hội, dự thảo Luật quy định ngắn gọn theo hướng:

- (i) Chỉ quy định chi tiết trong dự thảo Luật này những quy định khung;
- (ii) Các quy định về chính sách, chiến lược quốc gia, các vấn đề chung liên ngành, liên bộ do Chính phủ quy định.
- (iii) Đối với các nội dung thuộc ngành giáo dục, hướng dẫn chi tiết hoạt động GDDH do Bộ trưởng Bộ Giáo dục đào tạo ban hành, hướng dẫn thực hiện.

Trên cơ sở đó, bố cục của dự thảo Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) gồm 9 chương với 54 điều (giảm 19 điều so với Luật Giáo dục đại học hiện hành), cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung (gồm 11 điều, từ Điều 1 đến Điều 11). Chương này cơ bản kế thừa, có sửa đổi, bổ sung quy định chung của Luật hiện hành.

Chương II. Quy định tổ chức về quản trị cơ sở giáo dục đại học (gồm 07 điều, từ Điều 12 đến Điều 18).

Chương III. Quy định tổ chức về hoạt động đào tạo của các cơ sở giáo dục (gồm 07 điều, từ Điều 20 đến Điều 27).

Chương IV. Quy định tổ chức hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm 4 điều, từ Điều 26 đến Điều 29).

Chương V. Quy định tổ chức về giảng viên, nhân viên và người học (gồm 5 điều, từ Điều 30 đến Điều 35).

Chương VI. Quy định tổ chức về bảo đảm và kiểm định chất lượng (gồm 5 điều, từ Điều 36 đến Điều 40).

Chương VII. Quy định về tài chính, tài sản và phân bổ ngân sách lượng (gồm 5 điều, từ Điều 41 đến Điều 46).

Chương VIII. Quy định tổ chức về hợp tác và đầu tư trong giáo dục đại học (gồm 3 điều, từ Điều 47 đến Điều 49).

Chương IX Quy định các điều khoản thi hành (gồm 5 điều, từ Điều 50 đến Điều 54).

Trong tổng số 54 điều của Dự thảo Luật GDĐH (sửa đổi):

- Có 09 điều được giữ những nội dung cơ bản (thay đổi cách thức diễn đạt một vài điểm phù hợp với kỹ thuật biên soạn lập pháp) từ Luật hiện hành (chiếm 17%) chủ yếu là các quy định mang tính nguyên tắc và ổn định như: phạm vi điều chỉnh, giải thích từ ngữ, chính sách của Nhà nước, văn bằng, quản lý nhà nước và xử lý vi phạm;

- Có 26 điều sửa đổi, bổ sung trên cơ sở các quy định cũ (chiếm 48%) làm rõ hoặc mở rộng các quy định về: quyền tự chủ, hội đồng trường, tổ chức đào tạo, chương trình đào tạo, tuyển sinh, kiểm định chất lượng, cơ cấu tổ chức, tài chính, nhân lực, và trách nhiệm giải trình;

- Có 19 điều quy định mới (chiếm 35%), tập trung vào các nội dung đổi mới quan trọng như: tự chủ đại học, giáo dục số, đào tạo nhân lực chất lượng cao, hợp tác và đầu tư trong và ngoài nước, khoa học và đổi mới sáng tạo.

3. Nội dung cơ bản

3.1 Những nội dung sửa đổi, hoàn thiện

a) Những vấn đề chung

Dự thảo Luật hoàn thiện các quy định liên quan đến giải thích từ ngữ, theo đó, bổ sung các cụm từ cần giải thích để tạo cách hiểu thống nhất trong quá trình áp dụng pháp luật, những thuật ngữ mới hoặc những từ ngữ sẽ được sử dụng trong các văn bản dưới luật, ví dụ: Danh mục thống kê ngành đào tạo, ngành đào tạo, nhóm ngành đào tạo, Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân...

Dự thảo Luật chi tiết hóa 6 nhóm chính sách của dự án Luật GDĐH về hoạt động GDĐH; tổ chức và hoạt động của cơ sở GDĐH; quyền, nghĩa vụ của tổ chức và cá nhân tham gia GDĐH; trách nhiệm của Nhà nước trong quản lý và phát triển GDĐH.

Dự thảo Luật quy định các trách nhiệm của cơ sở GDĐH, cơ sở giáo dục có hoạt động GDĐH, các nguyên tắc hoạt động GDĐH, chính sách về chiến lược phát triển, kế hoạch tổng thể phát triển GDĐH và quy hoạch mạng lưới cơ sở GDĐH, yêu cầu ứng dụng công nghệ tiên tiến trong GDĐH.

b) Những vấn đề thuộc quản trị đại học và quản lý nhà nước

Xác lập vị trí pháp lý của một số cơ sở giáo dục đang hoạt động như một cơ sở GDĐH; Hoàn thiện cơ chế tự chủ đại học, nâng cao năng lực quản trị của các cơ sở GDĐH và hiệu lực quản lý nhà nước, nhằm giải quyết các vấn đề về

thực hiện quyền tự chủ của các cơ sở; giải quyết mô hình quản trị đại học hai cấp (có trường đại học thành viên); hoạt động hiệu quả của hội đồng trường; hội đồng trường ở trường đại học thành viên, trường đại học thuộc lực lượng vũ trang; vai trò của cơ quan quản lý trong quyết định nhân sự chủ chốt của các cơ sở GDĐH.

Những điều chỉnh về phương thức quản lý nhà nước đối với hoạt động của các cơ sở GDĐH, tối ưu hóa hoạt động của hệ thống GDĐH để quản lý cấp phép hoạt động đào tạo, mở ngành và chương trình đào tạo; quản lý thống nhất các địa điểm đào tạo, tạo thuận lợi cho các cơ sở GDĐH, nhằm giải quyết thống nhất, bảo đảm chất lượng hoạt động đào tạo tại các địa điểm ngoài trụ sở chính.

c) Những vấn đề liên quan đến tổ chức đào tạo của cơ sở giáo dục

Điều chỉnh các nội dung về chương trình đào tạo nhằm phát huy quyền tự chủ đại học và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng các yêu cầu thay đổi trong bối cảnh mới nhằm giải quyết các vấn đề về toàn cầu hóa trong GDĐH và thị trường lao động; yêu cầu về nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tác động của trí tuệ nhân tạo (AI) và chuyển đổi xanh tới cơ cấu ngành nghề và yêu cầu năng lực của người lao động; sự thay đổi trong phương thức tổ chức đào tạo, nhu cầu học tập cá thể hóa và học tập suốt đời.

Đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo, mở rộng cơ hội tiếp cận các trình độ đào tạo của cơ sở GDĐH cho mọi người, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người học, nhu cầu học tập suốt đời; quản lý và bảo đảm chất lượng đào tạo theo tất cả hình thức, phương thức đào tạo, gồm cả chính quy và từ xa, liên kết trong nước và quốc tế.

d) Những vấn đề về hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Dự thảo luật sửa đổi những quy định để khẳng định pháp lý cơ sở GDĐH là tổ chức nghiên cứu và phát triển và trung tâm đổi mới sáng tạo, nhằm giải quyết các vấn đề. Sửa đổi quy định và các chính sách ưu tiên đầu tư, giao nhiệm vụ cho các cơ sở GDĐH; gắn kết nghiên cứu, đổi mới sáng tạo với đào tạo chất lượng cao, thu hút và phát triển nhân tài, nhằm giải quyết nâng cao chất lượng đào tạo thông qua tăng cường nghiên cứu, trải nghiệm và sáng tạo; nâng cao năng lực, trình độ và năng suất nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên; gia tăng quy mô và chất lượng đào tạo sau đại học, nhất là ở trình độ tiến sĩ và ở các ngành, lĩnh vực trọng điểm; tăng cường năng lực và hiệu quả đổi mới sáng tạo của các cơ sở GDĐH.

đ) Những nội dung liên quan đến người dạy, người học

Dự thảo sửa đổi các giữa quy định về các chức danh giảng viên theo phù hợp với quy định về chức danh viên chức và quy định cụ thể về các chức danh giảng viên đại học trong cơ sở GDĐH tự thực. Sửa đổi quy định nhiệm vụ và quyền hạn của giảng viên nhằm thúc đẩy nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và phát triển chuyên môn để làm căn cứ quản lý hiệu quả đội ngũ giảng viên. Sửa đổi

quy định cơ sở GDĐH tự chủ trong tuyển dụng và quản lý đội ngũ giảng viên, đáp ứng yêu cầu đặc thù nhằm giải quyết vướng mắc trong tuyển dụng giảng viên người nước ngoài theo các quy định về lao động là người nước ngoài. Quy định về môi trường học thuật sáng tạo, liên chính, giải quyết các vấn đề vi phạm liên chính trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn, học thuật khác.

e) Những vấn đề về bảo đảm chất lượng đào tạo

Dự thảo sửa đổi các quy định về yêu cầu kiểm định cơ sở GDĐH và kiểm định chương trình bắt buộc với một số nhóm ngành đặc thù. Quản trị chất lượng theo bảo đảm chất lượng nội bộ kết hợp với đánh giá ngoài, công tác bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục theo cách tiếp cận quản trị rủi ro, nhằm giải quyết các vấn đề kiểm định hình thức, giải quyết bài toán đề cao quá mức kết quả kiểm định. Sửa đổi và hoàn thiện quy định về kiểm định chất lượng không bắt buộc với tất cả các chương trình đào tạo như là điều kiện tự chủ.

g) Những vấn đề liên quan đến tài chính và tài sản trong các cơ sở giáo dục

Dự thảo sửa đổi các quy định về phân bổ ngân sách chi đầu tư theo chiến lược, định hướng phát triển GDĐH theo chất lượng và hiệu quả hoạt động; tạo cạnh tranh bình đẳng để các cơ sở GDĐH nhằm quản trị và nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả hoạt động; quy định về phân bổ nguồn lực theo nhiệm vụ ưu tiên của Nhà nước; quy định tổ chức về tài chính tài sản Huy động các nguồn lực cho nghiên cứu, đổi mới sáng tạo trong các cơ sở GDĐH, nhằm giải quyết các vấn đề về cơ sở vật chất và nguồn lực cho nghiên cứu, đổi mới sáng tạo cho các cơ sở GDĐH. Sửa đổi và hoàn thiện quy định về học phí và hỗ trợ tài chính cho người học bảo đảm công bằng trong tiếp cận GDĐH và nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo.

Sửa đổi quy định giao quyền tự chủ cho các cơ sở GDĐH công lập trong việc huy động và sử dụng các nguồn lực ngoài ngân sách, nhằm khắc phục những vướng mắc trong quy trình, thủ tục xin phê duyệt các dự án hợp tác với nước ngoài.

h) Nhóm vấn đề về hợp tác và đầu tư nước ngoài

Sửa đổi và bổ sung hoàn thiện các chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng cho các cơ sở GDĐH và các hoạt động hợp tác, đầu tư và tài trợ cho GDĐH nhằm giải quyết các vấn đề về khó khăn, vướng mắc trong thủ tục xin cấp đất để đầu tư cho giáo dục đào tạo. Quy định về hợp tác trong và ngoài nước thành lập phân hiệu đại học nước ngoài tại Việt Nam và ngược lại.

3.2. Những nội dung bổ sung:

a) Nhóm vấn đề chung

Bổ sung quy định về chuẩn chuẩn cơ sở GDĐH, chính sách đào tạo, chính sách và quy định về ứng dụng công nghệ tiên tiến, GDĐH số.

Lí do: Chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, tăng tính tự chủ đại học.

b) Nhóm vấn đề về quản trị đại học

- Bổ sung các cơ sở GDĐH không thuộc đối tượng quản lý nhà nước theo Luật hiện hành (Viện nghiên cứu, các trường bồi dưỡng, các học viện có hoạt động đào tạo đại học đại học, sau đại học) trở thành đối tượng áp dụng của Luật.

Lí do: Bảo đảm sự quản lý nhà nước về GDĐH, chất lượng đào tạo.

- Bổ sung quy định quyền và nhiệm vụ của hội đồng trường, hiệu trưởng; Thẩm quyền bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, bãi miễn chủ tịch hội đồng trường, hiệu trưởng.

Lí do: Tăng tính chỉ huy, quản lý thống nhất, hiệu quả, khắc phục bất cập tồn tại mối quan hệ giữa hội đồng trường và ban giám hiệu, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

c) Nhóm vấn đề về hoạt động đào tạo

- Bổ sung giáo dục số đào tạo theo đặt hàng, giao nhiệm vụ; đào tạo giáo dục số, chuẩn chương trình đào tạo; bổ sung quy định phê duyệt chương trình đào tạo tiến sĩ.

Lí do: Đón đầu công nghệ giáo dục mới và phát triển nguồn nhân lực phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, cung cấp nguồn nhân lực cho những ngành khoa học mũi nhọn, công nghệ kỹ thuật then chốt; tiếp cận công nghệ giáo dục hiện đại, tăng tự chủ đại học; tăng chất lượng đào tạo tiến sĩ.

- Bổ sung các quy định về ứng dụng công nghệ, mở rộng hoạt động GDĐH trên không gian số.

Lí do: Tổ chức hoạt động đào tạo trực tuyến và ứng dụng công nghệ trong dạy và học; bảo đảm chất lượng đào tạo, liên kết và hợp tác đào tạo, chia sẻ và sử dụng chung nguồn lực giữa các cơ sở GDĐH trên không gian số.

d) Nhóm vấn đề về nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo

Bổ sung các nội dung mới xác định cơ sở GDĐH là trung tâm của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia; liên kết giữa nhà trường - doanh nghiệp - địa phương.

Lí do: Thể chế hóa Nghị quyết 57; đào tạo gắn với nghiên cứu khoa học, cung cấp nguồn nhân lực cho những ngành khoa học mũi nhọn, công nghệ kỹ thuật then chốt; phát huy sức mạnh tập thể nghiên cứu khoa học của cơ sở GDĐH.

đ) Nhóm vấn đề về giảng viên và người học

Bổ sung chính sách phát triển đội ngũ giảng viên, nhà khoa học xuất sắc, chính sách đặc thù cho nhà khoa học đầu ngành; cơ chế đãi ngộ và thu hút tài năng trong và ngoài nước, gắn với hiệu quả nghiên cứu, công bố quốc tế.

Lí do: Phát huy quyền tự chủ đại học của cơ sở giáo dục được quyền thuê đội ngũ giảng viên, nhà khoa học xuất sắc.

e) Nhóm vấn đề bảo đảm và kiểm định chất lượng

Bổ sung về cách tiếp cận toàn diện theo hướng quản trị chất lượng, kết quả đầu ra, phát triển văn hóa chất lượng trong cơ sở GDĐH; đổi mới cơ chế đánh giá, giám sát chất lượng gắn với chuẩn dữ liệu mở, minh bạch. Tích hợp các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo trong quy định về đăng ký hoạt động đào tạo trên môi trường số; giao Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, hướng dẫn các nội dung chi tiết về chuyên môn trong quy chế đào tạo.

Lí do: Cắt giảm mạnh thủ tục hành chính, đồng thời thống nhất quản lý và bảo đảm chất lượng đối với mọi phương thức tổ chức đào tạo; bảo đảm chất lượng đào tạo; mở rộng cơ hội tiếp cận GDĐH chất lượng cho mọi người, tạo cơ hội học tập mọi nơi, mọi lúc; nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo trên các nền tảng GDĐH số. Thay đổi từ tiếp cận số lượng chương trình kiểm định sang quản trị chất lượng sản phẩm đào tạo.

g) Nhóm vấn đề về tài sản, tài chính:

- Đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực chất lượng cao theo kết quả đầu ra (bao gồm cả đào tạo giáo viên, đào tạo nâng cao trình độ giảng viên), nhằm giải quyết hiệu quả các vướng mắc trong đặt hàng, giao nhiệm vụ theo đầu vào; thúc đẩy các cơ sở giáo dục cạnh tranh theo chất lượng và hiệu quả đào tạo thực chất.

Lí do: Quy định nguyên tắc, mục đích của cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ áp dụng cho đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có địa chỉ sử dụng; cơ sở đào tạo được trả kinh phí hỗ trợ đào tạo theo số lượng người làm việc (hoặc học tiếp) theo địa chỉ sử dụng, được chủ động sử dụng kinh phí để tăng cường năng lực đào tạo hoặc hỗ trợ bổ sung học bổng cho người học.

- Giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại công lập trong việc huy động và sử dụng các nguồn lực ngoài ngân sách.

Lí do: Khắc phục những vướng mắc trong quy trình, thủ tục xin phê duyệt các dự án hợp tác với nước ngoài; tạo động lực cho các cơ sở GDĐH hợp tác với doanh nghiệp trong và ngoài nước để tăng cường thu hút các nguồn lực, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu.

- Ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng cho các cơ sở giáo dục và các hoạt động hợp tác, đầu tư và tài trợ cho giáo dục đại để giải quyết các vấn đề về những vướng mắc trong thủ tục xin cấp đất để đầu tư cho giáo dục; khắc phục việc tăng chi phí đào tạo, dẫn tới tăng học phí của người học do các loại thuế.

h) Nhóm vấn đề về hợp tác và đầu tư nước ngoài

Bổ sung chính sách hoạt động hợp tác và liên kết trong và ngoài nước.

3.3. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

- Hợp nhất 4 thủ tục gồm thành lập phân hiệu, cho phép hoạt động, hoạt động trở lại của trường đại học và phân hiệu thành 1 thủ tục đăng ký hoạt động.

- Hợp nhất 2 thủ tục gồm cấp phép hoạt động của cơ sở GDĐH có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở GDĐH nước ngoài thành 1 thủ tục đăng ký hoạt động của cơ sở GDĐH có yếu tố nước ngoài.

- Hợp nhất 3 thủ tục gồm phê duyệt, gia hạn, chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo thành 1 thủ tục đăng ký thực hiện chương trình đào tạo liên kết.

- Giảm lược thủ tục mở ngành bằng đăng ký thực hiện chương trình đào tạo. Lược bỏ các quy định về tiêu chí, quy trình xác định chỉ tiêu tuyển sinh, thay bằng thực hiện theo chuẩn cơ sở GDDH, chuẩn chương trình đào tạo.

3.4. Nội dung phân cấp, phân quyền

- Chính phủ: Ban hành các vấn đề chung liên ngành, liên bộ; những vấn đề liên quan đến quốc gia.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: cấp thẩm quyền thành lập, giải thể, đặt tên, đổi tên cơ sở GDDH; quy định tiêu chí bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; Ban hành danh mục ngành đào tạo.

- Chính quyền địa phương: Quản lý nhà nước về GDDH tại địa phương theo phân cấp, phân quyền.

- Cơ sở đào tạo: cơ sở GDDH được giao quyền tự chủ ở mức cao nhất trong các hoạt động chuyên môn, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản.

3.5. Vấn đề còn có ý kiến khác nhau và kiến nghị phương án giải quyết

Nội dung: Hội đồng trường đại học thành viên của đại học quốc gia và đại học vùng (đại học hai cấp).

Phương án 1: Giữ nguyên hội đồng trường đại học thành viên của đại học quốc gia và đại học vùng như hiện nay.

Phương án 2: Bỏ hội đồng trường trường đại học thành viên của đại học quốc gia và đại học vùng, bỏ hội đồng trường của các trường đại học, học viện thuộc Bộ Công an, Quốc phòng.

Đề xuất phương án 2 vì bảo đảm mô hình quản trị đại học thống nhất trong đại học quốc gia và đại học vùng, phù hợp với về tinh gọn bộ máy và Kế hoạch định hướng sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ. Nên xem xét một cách toàn diện sự tồn tại thiết chế hội đồng trường trong toàn bộ hệ thống các trường đại học công lập.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI HỒ SƠ CHÍNH SÁCH GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

.....

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật

Ngay sau khi Luật GDDH (sửa đổi) được Quốc hội thông qua, Chính phủ giao các bộ, ngành liên quan chuẩn bị theo thẩm quyền để trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, bảo đảm tiến độ thực hiện.

2. Tuyên truyền, phổ biến Luật

Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung của Luật GDĐH (sửa đổi) tới các cơ sở GDĐH, đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, người học và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Bảo đảm nguồn lực thực hiện Luật

Với các chính sách dự kiến quy định, việc triển khai thực hiện Luật không đặt ra yêu cầu tăng thêm biên chế hoặc nhân lực mới. Các bộ, ngành và địa phương thực hiện Luật trên cơ sở sử dụng hiệu quả nguồn lực hiện có, không làm phát sinh thêm tổ chức bộ máy, biên chế và ngân sách thường xuyên.

4. Theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành Luật

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức theo dõi, kiểm tra việc triển khai thi hành Luật GDĐH (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

5. Nâng cao năng lực thực thi Luật tại cơ sở GDĐH

Để bảo đảm thực thi hiệu quả quy định của Luật, cần tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và chuyên viên pháp chế các cơ sở GDĐH; hướng dẫn xây dựng quy chế nội bộ phù hợp với khung pháp lý mới; đồng thời phát triển hệ thống dữ liệu và công cụ số hóa phục vụ quản trị đại học hiện đại, minh bạch và kết nối công tác theo dõi, đánh giá thi hành Luật.

6. Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá và phản hồi chính sách

Cần xây dựng hệ thống giám sát và phản hồi chính sách theo hướng tích hợp dữ liệu, số hóa và công khai, đồng thời định kỳ đánh giá tác động thực tiễn của các chính sách trọng điểm và khuyến khích sự tham gia của các tổ chức xã hội, hiệp hội, doanh nghiệp trong giám sát, góp ý để hoàn thiện chính sách.

Trên đây là Tờ trình của dự án Luật GDĐH (sửa đổi). Bộ Giáo dục và Đào tạo xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Hồ sơ gửi kèm Tờ trình gồm: (1) Dự thảo Luật GDĐH (sửa đổi); (2) Báo cáo tổng kết thi hành Luật GDĐH; (3) Bản so sánh Luật hiện hành và dự thảo Luật Giáo dục đại học (sửa đổi); (4) Các văn bản khác có liên quan theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Các Thứ trưởng (để p/h chỉ đạo);
- Lưu: VT, GDĐH.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Kim Sơn